

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh
danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo nhu cầu thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ của các ngành, địa phương; kết quả kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

I. Căn cứ pháp luật để trình Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố, thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt: thành phố Đồng Hới tại Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 10/5/2021, huyện Quảng Ninh tại Quyết định số 1281/QĐ-

UBND ngày 10/5/2021, huyện Bồ Trách tại Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 10/5/2021, huyện Tuyên Hóa tại Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 10/5/2021, huyện Quảng Trạch tại Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 10/5/2021, huyện Lệ Thủy tại Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 07/5/2021, huyện Minh Hóa tại Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 và thị xã Ba Đồn tại Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 17/5/2021.

II. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn đến tháng 4 năm 2022

1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 đã được phê duyệt

Tổng chỉ tiêu đã được phê duyệt trên toàn tỉnh là 7.603,63 ha, trong đó:

- Chỉ tiêu đất trồng lúa được phép chuyển mục đích là: 7.006,67 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ được phép chuyển mục đích là: 596,96 ha;

2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đến tháng 4 năm 2022

a. Kết quả đạt được

- Diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích là: 35,54 ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ đã chuyển mục đích là: 6,17 ha.

(Cụ thể có Bảng 01, 02 kèm theo)

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hàng năm, chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ do các ngành và địa phương đăng ký chuyển mục đích khá lớn, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện còn thấp. Nguyên nhân chủ yếu do phải thực hiện nhiều thủ tục liên quan để triển khai dự án như: lập, phê duyệt dự án đầu tư, bố trí nguồn vốn đầu tư, lập quy hoạch chi tiết, trích đo địa chính, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng... nên dự án khó thực hiện hoàn thành trong một năm mà phải thực hiện trong nhiều năm mới hoàn thành.

III. Đề xuất bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương để thực hiện dự án, kết quả rà soát đảm bảo sự phù hợp của việc sử dụng đất và các quy định của pháp luật; đồng thời, có một số công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhưng nay đo đạc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất, một số dự án có điều chỉnh quy mô, hướng tuyến nên diện tích, loại đất có sự thay đổi, cần điều chỉnh cho phù hợp. Để thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau: ↙

1. Bổ sung, điều chỉnh 172 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai với tổng diện tích 1.000,48 ha, bao gồm: 224,55 ha đất trồng lúa, 15,66 ha đất rừng phòng hộ và 760,27 ha đất khác. Trong đó:

1.1. Bổ sung mới 12 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (nhưng không chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích 174,06 ha, bao gồm: 72,28 ha đất trồng lúa và 101,78 ha các loại đất khác.

1.2. Bổ sung mới 138 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 77 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích 469,82 ha, bao gồm: 109,92 ha đất trồng lúa; 0,9 ha đất rừng phòng hộ và 359,0 ha các loại đất khác.

1.3. Bổ sung mới 03 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai với diện tích 3,21 ha, bao gồm: 2,44 ha đất trồng lúa và 0,77 ha các loại đất khác.

1.4. Điều chỉnh 19 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 13 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích sau điều chỉnh là 353,39 ha, bao gồm: 39,91 ha đất trồng lúa, 14,76 ha đất rừng phòng hộ và 298,72 ha các loại đất khác.

2. Điều chỉnh giảm 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 với diện tích 10,0 ha, bao gồm: 7,67 ha đất trồng lúa và 2,33 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT&NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ An Phong

Phụ lục

ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **886** /TTr-UBND ngày **24** tháng **5** năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
A	Bổ sung, điều chỉnh 172 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013			1,000.48	224.55	15.66	760.27	
I	Bổ sung 12 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (nhưng không chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013)			174.06	72.28		101.78	
1	Khu đô thị - Dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp Cam Liên tại xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy	Cam Thủy	Lệ Thủy	42.72			42.72	Công văn số 3801/VPUBND-KT ngày 11/10/2021 về việc tiếp nhận kinh phí để lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị - Dịch vụ phục vụ Khu Công nghiệp Cam Liên; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình
2	Khu nhà ở thương mại phía Tây đường Lý Nam Đế, phường Đồng Phú	Đồng Phú	Đồng Hới	9.60	5.19		4.41	Thông báo số 250-TB/BCSD ngày 12/10/2021 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về thông báo kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 12/10/2021; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình
3	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 2	Võ Ninh	Quảng Ninh	10.00			10.00	Thông báo số 250-TB/BCSD ngày 12/10/2021 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về thông báo kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 12/10/2021; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình
4	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 3	Võ Ninh	Quảng Ninh	10.90	7.00		3.90	Thông báo số 250-TB/BCSD ngày 12/10/2021 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về thông báo kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 12/10/2021; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
5	Khu nhà ở thương mại phía Tây Bắc đường 27m, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	8.06	7.36		0.70	Thông báo số 33-TB/BCSD ngày 16/02/2022 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về thông báo kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 16/02/2022; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình
6	Khu nhà ở thương mại Phú Xá, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	6.45	5.80		0.65	Thông báo số 33-TB/BCSD ngày 16/02/2022 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về thông báo kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 16/02/2022; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình
7	Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới (thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng chính phủ)	Đức Ninh Đông, Nam Lý	Đồng Hới	30.44	19.94		10.50	Thông báo số 33-TB/BCSD ngày 16/02/2022 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về thông báo kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 16/02/2022; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình
8	Khu nhà ở thương mại tại thôn Lộc Thượng, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy	An Thủy	Lệ Thủy	4.30	2.00		2.30	Thông báo số 39-TB/BCSD ngày 22/02/2022 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về thông báo kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại phiên họp ngày 22/02/2022; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình
9	Dự án Khu nhà ở xã hội tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	11.35	9.27		2.08	Công văn số 09-CV/BCSD ngày 07/01/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về việc báo cáo và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư thực hiện Dự án Khu nhà ở xã hội tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình
10	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 4, huyện Quảng Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	9.80	7.61		2.19	Công văn số 238-CV/BCSD ngày 12/10/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về việc báo cáo và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư thực hiện Dự án Khu đô thị Võ Ninh 4, huyện Quảng Ninh; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
11	Khu đô thị Hải Ninh 2	Hải Ninh	Quảng Ninh	20.00			20.00	Công văn số 228-CV/BCSD ngày 30/9/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về việc báo cáo và xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương triển khai các thủ tục pháp lý đối với dự án Khu đô thị Hải Ninh 2, huyện Quảng Ninh; Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình
12	Dự án Khu nhà ở thương mại phía sau chợ Đức Ninh	Đức Ninh	Đồng Hới	10.44	8.11		2.33	Quyết định số 4789/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình
II	Bổ sung 138 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 77 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013)			469.82	109.92	0.90	359.00	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Quảng Thọ	Ba Đồn	7.49	5.96		1.53	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh
2	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình (thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ)	Lộc Ninh	Đồng Hới	14.29	12.00		2.29	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh
3	Nhà văn hóa Tổ dân phố 6 Nam Lý	Nam Lý	Đồng Hới	0.21	0.17		0.04	Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND phường Nam Lý về kế hoạch đầu tư công năm 2022
4	Trụ sở Công an phường Đồng Phú	Đồng Phú	Đồng Hới	0.23	0.23			Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 06/8/2021 của HĐND phường Đồng Phú về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công năm 2021 (các dự án Quốc phòng - An Ninh)
5	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Lệ Thủy	Xuân Thủy	Lệ Thủy	0.50	0.50			Quyết định số 1644/QĐ-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ Tài chính về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án; Công văn số 5900/KBN-NTVQT ngày 11/11/2021 của Kho bạc Nhà nước
6	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Bố Trạch	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0.50			0.50	Quyết định số 1644/QĐ-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ Tài chính về việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án; Công văn số 5900/KBN-NTVQT ngày 11/11/2021 của Kho bạc Nhà nước

2

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
7	Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh	Phú Hải, Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	12.28	9.75		2.53	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025
8	Phát triển quỹ đất xen kẽ khu dân cư	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0.43	0.41		0.02	Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND huyện Quảng Ninh về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư
9	Dự án đầu tư xây dựng các trục đường giao thông Khu Công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu (mở rộng giai đoạn 3)	Lương Ninh, Vĩnh Ninh và TT Quán Hàu	Huyện Quảng Ninh	4.13	0.12		4.01	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình
10	Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Văn Cừ	Nam Lý, Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0.50			0.50	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn TP quản lý
11	Đường nối từ đường Bàu Tró đến đường Long Đại	Hải Thành	Đồng Hới	0.70		0.55	0.15	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn TP quản lý
12	Đường xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	Bắc Lý	Đồng Hới	0.08			0.08	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn TP quản lý
13	Đường phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế Tây Nam xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	3.00			3.00	Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND thành phố Đồng Hới về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Đường phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế phía Tây Nam xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới
14	Nâng cấp đường Cao Thắng	Lộc Ninh	Đồng Hới	1.50	0.95		0.55	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn TP quản lý
15	Nâng cấp đường nối từ đường Hữu Nghị với đường Nguyễn Văn Linh và đường khu dân cư phía Nam thư viện tỉnh	Nam Lý	Đồng Hới	0.22			0.22	Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của HĐND thành phố Đồng Hới phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn TP quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
16	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp ra biển	Bảo Ninh	Đồng Hới	0.67			0.67	Công văn số 3943/VPUBND-TH ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh về việc chủ trương khảo sát, nghiên cứu, lập đề xuất đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp ra biển
17	Đường đi vào dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ	Phú Hải	Đồng Hới	0.35	0.17		0.18	Công văn số 4363/VPUBND-KT ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh về việc đầu tư đường đi vào dự án và điều chỉnh cục bộ Quy hoạch dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới
18	Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường mầm non, Nhà văn hóa thôn Tân Phú, Trụ sở Quân sự xã Quang Phú (Hạng mục Trường mầm non)	Quang Phú	Đồng Hới	0.60			0.60	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/01/2022 của HĐND xã Quang Phú về điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
19	Xây dựng hạ tầng để bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi công trình xây dựng Đường từ Lộc Ninh đi Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới và kết hợp phát triển khu dân cư	Lộc Ninh	Đồng Hới	2.00	1.80		0.20	Thông báo số 4637/TB-VPUBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh thông báo kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Đoàn Ngọc Lâm tại buổi làm việc với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương về giải quyết vướng mắc trong công tác GPMB công trình đường từ xã Lộc Ninh đi Khu Công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới
20	Đất ở nông thôn khu đất chợ Thuận Đức cũ (thôn Thuận Vinh)	Thuận Đức	Đồng Hới	0.38			0.38	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND xã Thuận Đức về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của xã Thuận Đức (nguồn vốn ngân sách xã)
21	Khu đất ở Tổ dân phố 7	Hải Thành	Đồng Hới	0.65			0.65	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND phường Hải Thành về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của phường Hải Thành (nguồn vốn ngân sách phường quản lý)
22	Nhà thi đấu đa năng huyện Lệ Thủy	TT Kiến Giang	Lệ Thủy	3.80	2.70		1.10	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện Lệ Thủy phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách huyện quản lý
23	Đất ở tại nông thôn xã Hồng Thủy (Khu vực 1, thôn An Định)	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0.30			0.30	Quyết định số 6175/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
24	Đất ở tại nông thôn xã Hồng Thủy (Khu vực 2, thôn Thạch Thượng 2)	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0.40			0.40	Quyết định số 6175/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy
25	Đất ở tại nông thôn xã Hồng Thủy (Giai đoạn 1, 2, 3)	Hồng Thủy	Lệ Thủy	1.30			1.30	Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy
26	Đất ở nông thôn xã Mai Thủy	Mai Thủy	Lệ Thủy	0.40	0.35		0.05	Quyết định số 6797/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy
27	Đất ở nông thôn xã An Thủy (khu vực 1, thôn Lộc Thượng)	An Thủy	Lệ Thủy	0.35	0.30		0.05	Quyết định số 6796/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã An Thủy, huyện Lệ Thủy
28	Đất ở nông thôn xã An Thủy (khu vực 2, thôn Lộc Hạ)	An Thủy	Lệ Thủy	0.30	0.25		0.05	Quyết định số 6796/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã An Thủy, huyện Lệ Thủy
29	Đất ở nông thôn xã Lộc Thủy	Lộc Thủy	Lệ Thủy	0.29	0.24		0.05	Quyết định số 6294/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy
30	Đất ở nông thôn xã Cam Thủy	Cam Thủy	Lệ Thủy	0.39	0.34		0.05	Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy
31	Đất ở nông thôn xã Phong Thủy	Phong Thủy	Lệ Thủy	0.35	0.32		0.03	Quyết định số 6816/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
32	Đất ở nông thôn xã Thanh Thủy	Thanh Thủy	Lệ Thủy	0.50			0.50	Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy
33	Sửa chữa nâng cấp các hồ, đập xung yếu tỉnh Quảng Bình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn đập Khe Dổi, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Trung Hóa	Minh Hóa	53.20	0.02		53.18	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
34	Cải tạo đường sắt khu vực Đèo Khe Nét, tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh	Hương Hóa, Kim Hóa	Tuyên Hóa	54.98			54.98	Quyết định số 2215/QĐ-BGTVT ngày 27/11/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: Cải tạo đường sắt khu vực Đèo Khe Nét, tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh
35	Đường phục vụ du lịch Hà Môn	Cự Năm	Bố Trạch	3.17	0.39		2.78	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
36	Nâng cấp, mở rộng đường từ UBND xã Sơn Lộc đi tỉnh lộ 561	Vạn Trạch, Sơn Lộc	Bố Trạch	1.03	0.95		0.08	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
37	Tạo quỹ đất khu Nam Năm xã Cự Năm	Cự Năm	Bố Trạch	3.05	2.50		0.55	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
38	Tạo quỹ đất ở tại ngã ba Hưng Trạch, xã Hưng Trạch	Hưng Trạch	Bố Trạch	3.23			3.23	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
39	Sửa chữa, khắc phục sạt lở đường liên xã từ thị trấn Phong Nha đến xã Liên Trạch (đoạn ven sông Sơn và xã Liên Trạch)	Liên Trạch	Bố Trạch	0.24			0.24	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 03/03/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
40	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Đồng Bùn	Lý Trạch	Bố Trạch	5.10	0.61		4.49	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
41	Đường giao thông nông thôn khu vực thôn 7, thôn 8 Lý Trạch	Lý Trạch	Bố Trạch	0.15			0.15	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
42	Nhà Chức năng trường mầm non Mỹ Trạch	Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.50			0.50	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
43	Đầu tư khai thác phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Động Cát	Đại Trạch	Bố Trạch	2.90	0.70		2.20	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
44	Tạo quỹ đất thôn 1, xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	2.27	1.55		0.72	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
45	Nâng cấp các tuyến đường giao thông nội thị Hoàn Lão	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	1.37	0.70		0.67	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
46	Bồi thường bằng đất khi thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Trãi (đoạn từ cầu Phường Bún đi Nhà văn hóa tiểu khu 4)	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	0.05			0.05	Công văn số 372/UBND ngày 16/3/2022 của UBND huyện Bố Trạch về việc Bồi thường bằng đất khi thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Trãi (đoạn từ cầu Phường Bún đi Nhà văn hóa tiểu khu 4)
47	Đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (đoạn giữa đồng)	Hạ Trạch, Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.42	0.21		0.21	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
48	Đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Tây bến xe Hoàn Lão, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	TT Hoàn Lão	Bố Trạch	2.78	1.60		1.18	Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch
49	Đường từ Km 56, đường tỉnh 562 vào đến bản Nồng cũ và bản Nồng mới, xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	3.77	0.38	0.35	3.04	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
50	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngự Thủy và đến xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy	Hưng Thủy, Ngự Thủy	Lệ Thủy	12.07			12.07	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình
51	Nhà ở phục vụ cán bộ, công nhân tại Khu kinh tế Hòn La của Công ty Cổ phần Wood Hong Phúc	Quảng Đông	Quảng Trạch	2.04	1.86		0.18	Quyết định số 60/QĐ-KKT ngày 18/01/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
52	Khu Nhà ở phục vụ cán bộ công nhân Hòn La Suites & Residence của Công ty Cổ phần đầu tư Quốc tế Hòn La	Quảng Đông	Quảng Trạch	1.95	0.27		1.68	Quyết định số 68/QĐ-KKT ngày 18/01/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
53	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 1)	Phú Thủy	Lệ Thủy	4.30			4.30	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
54	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 2)	Phú Thủy	Lệ Thủy	2.12	2.07		0.05	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
55	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 3)	Phú Thủy	Lệ Thủy	8.63	7.53		1.10	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
56	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 1)	TT NT Lệ Ninh	Lệ Thủy	1.38			1.38	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
57	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 2)	TT NT Lệ Ninh	Lệ Thủy	1.00	0.97		0.03	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
58	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 3)	TT NT Lệ Ninh	Lệ Thủy	0.70			0.70	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
59	Khu tái định cư tại xã Sơn Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Sơn Thủy	Lệ Thủy	0.52	0.50		0.02	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
60	Khu tái định cư tại xã Kim Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Kim Thủy	Lệ Thủy	3.00			3.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
61	Khu tái định cư tại xã Trường Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Trường Thủy	Lệ Thủy	4.74			4.74	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
62	Đất nghĩa trang, nghĩa địa tại xã Sơn Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Sơn Thủy	Lệ Thủy	5.00			5.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
63	Đất nghĩa trang, nghĩa địa tại xã Phú Thủy (vị trí 1) (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Phú Thủy	Lệ Thủy	1.00			1.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
64	Đất nghĩa trang, nghĩa địa tại xã Phú Thủy (vị trí 2) (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Phú Thủy	Lệ Thủy	0.50			0.50	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
65	Khu tái định cư phân tán cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng Dự án Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 2)	Lộc Thủy	Lệ Thủy	0.13	0.10		0.03	Nghị Quyết số 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt Điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025
66	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	4.00			4.00	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
67	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Ngư Thủy	Lệ Thủy	15.00			15.00	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
68	Khu tái định cư cho 05 hộ gia đình, cá nhân phải di dời (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.49	0.42		0.07	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
69	Khu tái định cư cho 23 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lộc	Ba Đồn	1.71	1.00		0.71	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
70	Trường mầm non xã Quảng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	1.18	1.16		0.02	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
71	Sân vận động xã Quảng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.79	0.79			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
72	Điểm tập kết vật liệu thừa - khu vực 1 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	4.00			4.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
73	Điểm tập kết vật liệu thừa - khu vực 2 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	12.00			12.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
74	Điểm tập kết vật liệu thừa khu vực đồng Am (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	2.96	0.18		2.78	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
75	Điểm tập kết vật liệu thừa khu vực Rào Nan (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	5.00			5.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
76	Điểm tập kết bãi thải khu vực đồng Cát (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Minh	Ba Đồn	2.00			2.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
77	Điểm tập kết bãi thải khu vực Cao Cự 1, thôn Cao Cự (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hòa	Ba Đồn	1.10	1.00		0.10	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
78	Điểm tập kết bãi thải khu vực Cao Cự 2, thôn Cao Cự (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hòa	Ba Đồn	1.20	0.35		0.85	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
79	Điểm tập kết bãi thải khu vực thôn Vĩnh Phú (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hòa	Ba Đồn	1.00	0.27		0.73	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
80	Trụ sở UBND xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.60	0.60			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
81	Trạm Y tế xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.12			0.12	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
82	Trường mầm non xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.30	0.30			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
83	Trường TH-THCS tại xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.27	0.27			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
84	Sân thể thao xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.58	0.58			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
85	Chợ Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.36			0.36	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
86	Điểm tập kết bãi thải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lộc	Ba Đồn	1.00	1.00			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
87	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Thuận	Ba Đồn	4.80			4.80	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
88	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Phúc	Ba Đồn	10.10	8.22		1.88	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
89	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hợp	Quảng Trạch	1.00	0.90		0.10	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
90	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Tô Xá (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	7.90			7.90	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
91	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	2.60	2.20		0.40	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
92	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thạch	Quảng Trạch	1.70	1.70			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
93	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thạch	Quảng Trạch	1.15			1.15	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
94	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Tam Đa (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	10.00			10.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
95	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Vân Tiên (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	14.00			14.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
96	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Phù Lưu (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	12.00			12.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
97	Khu tái định cư tại Đồng Cây Lội thôn Vân Tiên (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1.18	0.91		0.27	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
98	Khu tái định cư tại đồng Chọp thôn Tam Đa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1.65	1.65			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
99	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thanh	Quảng Trạch	1.65	1.60		0.05	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
100	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thanh	Quảng Trạch	2.80	2.49		0.31	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
101	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hướng Phương - Khu vực 1 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	7.10			7.10	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
102	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hướng Phương - Khu vực 2 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	10.30			10.30	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
103	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	2.13	2.13			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
104	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Tùng	Quảng Trạch	5.51	5.02		0.49	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
105	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh) - Khu vực 1	Cảnh Hóa	Quảng Trạch	0.47	0.10		0.37	Quyết định số 408/QĐ-BGTVT ngày 30/3/2022 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp QL12 A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh
106	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL12 A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh) - Khu vực 2	Cảnh Hóa	Quảng Trạch	2.13	2.13			Quyết định số 408/QĐ-BGTVT ngày 30/3/2022 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp QL12 A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh
107	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật tái định cư và khu dân cư thôn Tân Định - Hiền Trung	Hải Ninh	Quảng Ninh	3.30			3.30	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
108	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư thôn Lê Kỳ, xã Vĩnh Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	4.79	1.00		3.79	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
109	Khu tái định cư và khu dân cư thôn Chợ Gội, xã Vĩnh Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	2.00			2.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
110	Khu tái định cư và khu dân cư thôn Long Đại xã Hiền Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hiền Ninh	Quảng Ninh	4.60	2.00		2.60	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
111	Khu tái định cư và khu dân cư xã Xuân Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Xuân Ninh	Quảng Ninh	1.70			1.70	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
112	Khu tái định cư và khu dân cư thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	4.43			4.43	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
113	Khu tái định cư khu vực đường Hồ Chí Minh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	3.12	0.93		2.19	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
114	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.76	0.27		0.49	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
115	Khu tái định cư khu vực thôn Hòa Sơn, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.49	0.47		0.02	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
116	Khu tái định cư khu vực thôn Tây Năm, xã Cự Năm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Năm	Bố Trạch	0.40	0.40			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
117	Khu tái định cư khu vực đồng Cải tạo, xã Phú Định (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Phú Định	Bố Trạch	4.35			4.35	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
118	Khu tái định cư khu vực thôn Mít, xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Tây Trạch	Bố Trạch	0.96	0.86		0.10	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
119	Khu tái định cư khu vực thôn Rầy, xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Tây Trạch	Bố Trạch	1.09	0.67		0.42	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
120	Khu tái định cư khu vực thôn Cà (T92), xã Hòa Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hòa Trạch	Bố Trạch	5.39			5.39	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
121	Khu tái định cư khu vực thôn Cà (đất lè), xã Hòa Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hòa Trạch	Bố Trạch	0.26			0.26	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
122	Khu tái định cư khu vực Hữu Nghị - Dũng Cầm, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	13.50	1.41		12.09	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
123	Khu tái định cư khu vực Hữu Nghị, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	1.84			1.84	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
124	Khu tái định cư khu vực Quyết Tiến, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	2.51			2.51	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
125	Khu tái định cư khu vực thôn Tân Hội, xã Liên Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Liên Trạch	Bố Trạch	1.01	1.01			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
126	Khu tái định cư khu vực thôn Phú Hữu, xã Liên Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Liên Trạch	Bố Trạch	1.51	1.51			Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
127	Trường mầm non Cự Nấm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nấm	Bố Trạch	0.39	0.37		0.02	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
128	Trường tiểu học số 3 Cự Nấm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nấm	Bố Trạch	0.61			0.61	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
129	Trường tiểu học cơ sở Bắc Dinh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	0.70			0.70	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025
130	Nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Nấm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nấm	Bố Trạch	0.40			0.40	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
131	Khu tái định cư khu vực trụ sở UBND xã cũ (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.12			0.12	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
132	Khu tái định cư khu vực đối diện cây xăng Đồng Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.15	0.12		0.03	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
133	Khu tái định cư khu vực phía Tây đường ven biển nối từ đường ven biển đi đường Hồ Chí Minh (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đồng Trạch	Bố Trạch	2.17	2.00		0.17	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
134	Khu tái định cư khu vực phía Bắc trường THCS Đồng Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.58	0.46		0.12	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
135	Khu tái định cư khu vực phía Nam chợ Đức Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	0.16			0.16	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
136	Khu tái định cư khu vực giáp đường ven biển (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	0.53			0.53	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
137	Khu tái định cư khu vực phía Bắc đồn Biên phòng Lý Hòa (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	1.79			1.79	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
138	Khu tái định cư khu vực phía Nam đồn Biên phòng Lý Hòa (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	2.00			2.00	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
III	Bổ sung 03 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013			3.21	2.44		0.77	
1	Trường mầm non Koharu	Lộc Ninh	Đồng Hới	0.49	0.49			Quyết định số 4090/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
2	Trung tâm cung ứng giống cây trồng và sơ chế nguyên liệu gỗ rừng trồng	Hồng Hóa	Minh Hóa	2.09	1.33		0.76	Quyết định số 396/QĐ-KKT ngày 31/3/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
3	Cửa hàng xăng dầu Thành Công 2	Sen Thủy	Lệ Thủy	0.63	0.62		0.01	Quyết định số 3890/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
IV	Điều chỉnh 19 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 13 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013)				353.39	39.91	14.76	298.72	
1	Cầu Nhật Lệ 3 (Cầu Nhật Lệ 3 và tuyến đường nối từ Cầu Nhật Lệ 3 đến đường Võ Nguyên Giáp)	Đã phê duyệt	Bảo Ninh, Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	18.30	1.00		17.30	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
	Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu (dự án thành phần 2 thuộc dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình)	Nay điều chỉnh	Bảo Ninh, Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	17.51			17.51	
2	Dự án Khu nhà ở thương mại tại Trung tâm hành chính huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	16.50			16.50	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Công văn số 1408/UBND ngày 08/8/2017 của UBND huyện Quảng Trạch về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở thương mại tại trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch;
		Nay điều chỉnh	Quảng Phương, Quảng Hưng	Quảng Trạch	16.50			16.50	
3	Xây dựng trụ sở và khu dịch vụ thương mại của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Phú Lâm	Đã phê duyệt	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.54	0.49		0.05	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
		Nay điều chỉnh	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.56	0.51		0.05	
4	Trạm Kiểm lâm Thượng Hóa	Đã phê duyệt	Thượng Hóa	Mình Hóa	0.10			0.10	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về phê duyệt đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
		Nay điều chỉnh	Thượng Hóa	Mình Hóa	0.10		0.10		
5	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Mai Thủy	Lệ Thủy	2.50	2.20		0.30	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Công văn số 193/UBND-XDCB ngày 04/02/2021 của UBND tỉnh về giới thiệu địa điểm cấp đất xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Lệ Thủy
		Nay điều chỉnh	Mai Thủy	Lệ Thủy	2.94	2.83		0.11	

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
6	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở lô (XII-OM-5, XII-OM-6) xã Ngự Thủy Bắc	Đã phê duyệt	Ngự Thủy Bắc	Lệ Thủy	20.00			20.00	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn huyện Lệ Thủy
		Nay điều chỉnh	Ngự Thủy Bắc	Lệ Thủy	20.06			20.06	
7	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu mở rộng khuôn viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình	Đã phê duyệt	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	1.80			1.80	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 341/QĐ-CĐCNN ngày 07/6/2021 của Trường Cao đẳng Công nông nghiệp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
		Nay điều chỉnh	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	1.80	0.22		1.58	
8	Tuyến đường ven biển (thuộc dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình)	Đã phê duyệt	Các xã, phường	Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, thị xã Ba Đồn và TP Đồng Hới	189.47	6.71	8.33	174.43	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc dự án Đường ven biển và Cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Các xã, phường	Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, thị xã Ba Đồn và TP Đồng Hới	199.33	6.22	14.66	178.45	
9	Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh	Đã phê duyệt	Võ Ninh	Quảng Ninh	13.72	1.97		11.75	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025
		Nay điều chỉnh	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	20.50	1.00		19.50	

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
10	Dự án HTKT dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, xã Quảng Hòa	Đã phê duyệt	Xã Quảng Hòa	Thị xã Ba Đồn	9.90	6.61		3.29	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của HĐND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Xã Quảng Hòa	Thị xã Ba Đồn	10.43	8.99		1.44	
11	Đất ở tại nông thôn xã Hưng Thủy	Đã phê duyệt	Hưng Thủy	Lệ Thủy	0.38	0.37		0.01	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 6184/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Lệ Thủy về việc giao nhiệm vụ Chủ trương đầu tư thực hiện các thủ tục có liên quan để tạo quỹ đất ở tại xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy
		Nay điều chỉnh	Hưng Thủy	Lệ Thủy	0.38			0.38	
12	Khu nhà ở thương mại Đá Lả	Đã phê duyệt	TT Quán Hàu	Quảng Ninh	6.52			6.52	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Công văn số 82/UBND-XDCB ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở thương mại Đá Lả, thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh
		Nay điều chỉnh	TT Quán Hàu	Quảng Ninh	6.52	0.18		6.34	
13	Khu đô thị Bảo Ninh 1 (Đợt 2)	Đã phê duyệt	Bảo Ninh	Đồng Hới	5.74			5.74	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Công văn số 1913/UBND-TH ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Bảo Ninh 1
		Nay điều chỉnh	Bảo Ninh	Đồng Hới	6.24			6.24	
14	Dự án Tạo quỹ đất Khu dân cư phía Tây Bắc đường Phan Bá Vành, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới	Đã phê duyệt	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	4.40	1.20		3.20	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4638/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt dự án đầu tư và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Tạo quỹ đất Khu dân cư phía Tây Bắc đường Phan Bá Vành, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới
		Nay điều chỉnh	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	4.40	1.50		2.90	
15	Cầu Lộc Thủy - An Thủy và Đường hai đầu cầu	Đã phê duyệt	An Thủy, Lộc Thủy	Lệ Thủy	5.05	3.50		1.55	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4463/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật
		Nay điều chỉnh	An Thủy, Lộc Thủy	Lệ Thủy	6.86	2.70		4.16	
16	Đường từ tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Hoàn Lão, Tây Trạch	Bố Trạch	8.50	3.63		4.87	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4856/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Đường từ Tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1)
		Nay điều chỉnh	Hoàn Lão, Tây Trạch	Bố Trạch	10.91	6.16		4.75	

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác	
17	Đường giao thông tuyến Trầm Mé đi thôn Na, TT Phong Nha	Đã phê duyệt	Phong Nha	Bố Trạch	3.76	0.02		3.74	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 4239/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Đường giao thông liên thôn tuyến Trầm Mé đi thôn Na; Quyết định số 4192/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Đường giao thông liên thôn tuyến Trầm Mé đi thôn Na;
		Nay điều chỉnh	Phong Nha	Bố Trạch	6.04	0.04		6.00	
18	Dự án phát triển quỹ đất tại thôn Tam Đa, xã Tiến Hóa (Đợt 1)	Đã phê duyệt	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	4.39	3.63		0.76	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh, Quyết định số 3464/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
		Nay điều chỉnh	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	4.51	3.65		0.86	
19	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc đường 12A thôn Tây Trúc	Đã phê duyệt	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	16.09	4.82		11.27	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 17/3/2020 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh
		Nay điều chỉnh	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	17.80	5.91		11.89	
B	Điều chỉnh giảm 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 (tại Điểm 54, Mục I, Phần A Phụ lục I)				10.00	7.67		2.33	
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh		Đức Ninh	Đồng Hới	10.00	7.67		2.33	Để triển khai thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại phía sau chợ Đức Ninh (dự án tại mục A, tiểu mục I, điểm 12 của Phụ lục này)

Ghi chú: 172 dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng

BẢNG 01 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN ĐẾN NĂM 2030 ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Tờ trình số: 886 /TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)								Đất rừng phòng hộ (ha)									Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	
		Toàn tỉnh	Trong đó							Toàn tỉnh	Trong đó							Toàn tỉnh			
			Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa		Huyện Minh Hóa	Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch		Huyện Tuyên Hóa		Huyện Minh Hóa
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	7,006.67	1,702.41	690.77	835.74	1,670.93	1,108.82	731.13	171.66	95.21	596.96	79.64	29.84	36.31	14.72	246.38	55.80	41.80	92.47	0	
1.1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh																				
1.2	Chỉ tiêu điều chỉnh do đã được thay đổi địa điểm và số lượng dự án trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt																				
1.3	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	7,006.67	1702.41	690.77	835.74	1,670.93	1,108.82	731.13	171.66	95.21	596.96	79.64	29.84	36.31	14.72	246.38	55.80	41.80	92.47		
2	Kết quả thực hiện	35.54	6.30	2.13	6.26	6.75	2.74	9.28	2.08		6.17	3.75	2.42							0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư										2.42		2.42								
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	35.54	6.30	2.13	6.26	6.75	2.74	9.28	2.08		3.75	3.75									
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện																				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	6,971.13	1,696.11	688.64	829.48	1,664.18	1,106.08	721.85	169.58	95.21	590.79	75.89	27.42	36.31	14.72	246.38	55.80	41.80	92.47	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 886 /TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	95.21	92.47	0	Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Minh Hóa
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	95.21	92.47	0	

✓

**BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH**

(Kèm theo Tờ trình số: 885 /TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó			Toàn huyện	Toàn huyện	
			TT Đồng Lê	Xã Thanh Hóa	Các xã còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	171.66	19.70	3.49	148.47	41.80	0	Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tuyên Hóa
2	Kết quả thực hiện	2.08	1.90	0.18				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2.08	1.90	0.18				Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện TH quản lý thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại tiểu khu Đồng Văn, TT Đồng Lê; Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Tuyên Hóa quản lý để thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại tiểu khu Tam Đồng, thị trấn Đồng Lê (giai đoạn 1)- Đợt 1; Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích và giao đất cho Lữ đoàn 134-Bộ Tư lệnh Thông tin.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	169.58	17.80	3.31	148.47	41.80	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: *28* /TTr-UBND ngày *24* tháng *5* năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)					Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	
		Toàn huyện	Trong đó					Toàn huyện		Toàn huyện
			Xã Quảng Hưng	Xã Quảng Tùng	Xã Quảng Phú	Xã Quảng Thanh	Các xã còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	731.13	99.51	63.88	116.52	57.55	393.67	55.80	0	Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Quảng Trạch
2	Kết quả thực hiện	9.28	3.58	1.04	1.99	2.67				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất									
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	9.28	3.58	1.04	1.99	2.67				Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích và giao đất cho Trường THPT Quang Trung để mở rộng khuôn viên Trường THPT Quang Trung tại xã Quảng Phú; Quyết định 2827/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Kênh, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch - Đợt 1; Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty CP Sản xuất vật liệu và Xây dựng Minh Sơn thuê đất thực hiện dự án Trung tâm Dịch vụ thể thao và Trường Mầm non Bình Minh; Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng KT Quy hoạch chi tiết khu dân cư Đồng Nương, thôn Phú Lộc 3, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch; Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng KT Quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Tân An, xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại									
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện									
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	721.85	95.93	62.84	114.53	54.88	393.67	55.80	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: *886* /TTr-UBND ngày *24* tháng *5* năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thị xã	Trong đó			Toàn thị xã	Toàn thị xã	
			Phường Quảng Long	Phường Quảng Phong	Các xã, phường còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	1,108.82	122.53	98.82	887.47	246.38	0	Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thị xã Ba Đồn
2	Kết quả thực hiện	2.74	2.44	0.30				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2.74	2.44	0.30				Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND phường Quảng Phong quản lý để nâng cấp tuyến đường lấy lợi tại phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn; Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích đất và giao đất cho UBND thị xã Ba Đồn để thực hiện dự án Phát triển quỹ đất tại Khu dân cư Đồng Cồn Trót, Tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn (đợt 1)
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1,106.08	120.09	98.52	887.47	246.38	0	

**BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

(Kèm theo Tờ trình số: 88 /TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)							Đất rừng phòng hộ (ha)				Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó						Toàn huyện	Trong đó			Toàn huyện	
			TT Quán Hầu	Xã Vĩnh Ninh	Xã Hiền Ninh	Xã Xuân Ninh	Xã Duy Ninh	Các xã còn lại		Xã Võ Ninh	Xã Hải Ninh	Các xã, thị trấn còn lại		
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	690.77	38.55	55.87	37.25	26.47	58.07	474.56	29.84	1.44	1.18	27.22	0	Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Quảng Ninh
2	Kết quả thực hiện	2.13	0.19	0.66	0.38	0.47	0.43		2.42	1.34	1.08			
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư													
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư								2.42	1.34	1.08			Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Sở kế hoạch đầu tư để thực hiện công trình Đường du lịch Dinh Mười, huyện Quảng Ninh thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình tại xã Võ Ninh và xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh (Đợt 1)
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất													
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2.13	0.19	0.66	0.38	0.47	0.43							Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh để xây dựng HTKT KDC Đồng Hạng (giai đoạn 1) tại thị trấn Quán Hầu, huyện Quảng Ninh- Đợt 2;Quyết định số 2308/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh thực hiện dự án HTKT tạo quỹ đất tại xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh (đợt 1);Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 7/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Hiền Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh.Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Xuân Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh (đợt 1).Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 8/2/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Duy Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại thôn Hiền Lộc, xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh.Quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Xuân Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại													
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện													
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	688.64	38.36	55.21	36.87	26.00	57.64	474.56	27.42	0.1	0.1	27.22	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 886 /TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)								Đất rừng phòng hộ (ha)				Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện								Toàn huyện	Trong đó			Toàn huyện	
			TTNT Lệ Ninh	Xã An Thủy	Xã Hồng Thủy	Xã Lộc Thủy	Xã Phong Thủy	Xã Phú Thủy	Các xã, thị trấn còn lại		Xã Hồng Thủy	Xã Ngư Thủy Bắc	Các xã, thị trấn còn lại		
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	1,702.41	20.36	92.28	53.87	81.80	218.25	65.21	1,170.64	79.64	0.12	18.23	61.29	0	Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Lệ Thủy
2	Kết quả thực hiện	6.30	0.17	1.05	0.31	0.43	3.92	0.42		3.75	0.12	3.63			
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư														
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư														
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất														
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	6.30	0.17	1.05	0.31	0.43	3.92	0.42		3.75	0.12	3.63			Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 23/08/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND TTNT Lệ Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại TTNT Lệ Ninh; Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 13/09/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Phong Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở xen cư tại xã Phong Thủy; Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 17/09/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Lộc Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Lộc Thủy; Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Lệ Thủy quản lý để thực hiện dự án phát triển quỹ đất xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy; Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 28/1/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích và cho Công ty Cổ phần Điện gió BT1 thuê đất để thực hiện dự án Trang trại điện gió BT1 tại xã An Thủy, Phú Thủy, Hồng Thủy (đợt 2); Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích và cho Công ty Cổ phần Điện gió BT3 thuê đất để thực hiện Trang trại điện gió BT2 - giai đoạn 2 tại xã Cam Thủy, Hưng Thủy, Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy; Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Lệ Thủy quản lý để thực hiện bố trí tái định cư phần tán của dự án Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 1) tại xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại														
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện														
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1696.11	20.19	91.23	53.56	81.37	214.33	64.79	1,170.64	75.89	0	14.60	61.29	0	

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất,
chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chính
phủ về việc triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022
của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc
Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch,
kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-
BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi
bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
Luật đất đai;*

*Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị
quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng
đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh
tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại
kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

1. Bổ sung, điều chỉnh 172 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai với tổng diện tích 1.000,48 ha, bao gồm: 224,55 ha đất trồng lúa, 15,66 ha đất rừng phòng hộ và 760,27 ha đất khác. Trong đó:

1.1. Bổ sung mới 12 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (nhưng không chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích 174,06 ha, bao gồm: 72,28 ha đất trồng lúa và 101,78 ha các loại đất khác.

1.2. Bổ sung mới 138 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 77 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích 469,82 ha, bao gồm: 109,92 ha đất trồng lúa; 0,9 ha đất rừng phòng hộ và 359,0 ha các loại đất khác.

1.3. Bổ sung mới 03 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai với diện tích 3,21 ha, bao gồm: 2,44 ha đất trồng lúa và 0,77 ha các loại đất khác.

1.4. Điều chỉnh 19 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 13 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích sau điều chỉnh là 353,39 ha, bao gồm: 39,91 ha đất trồng lúa, 14,76 ha đất rừng phòng hộ và 298,72 ha các loại đất khác.

2. Điều chỉnh giảm 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 với diện tích 10,0 ha, bao gồm: 7,67 ha đất trồng lúa và 2,33 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu

Phụ lục
BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
A	Bổ sung, điều chỉnh 172 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai			1,000.48	224.55	15.66	760.27
I	Bổ sung 12 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (nhưng không chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)			174.06	72.28		101.78
1	Khu đô thị - Dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp Cam Liên tại xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy	Cam Thủy	Lệ Thủy	42.72			42.72
2	Khu nhà ở thương mại phía Tây đường Lý Nam Đế, phường Đồng Phú	Đồng Phú	Đồng Hới	9.60	5.19		4.41
3	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 2	Võ Ninh	Quảng Ninh	10.00			10.00
4	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 3	Võ Ninh	Quảng Ninh	10.90	7.00		3.90
5	Khu nhà ở thương mại phía Tây Bắc đường 27m, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	Đức Ninh Đông	Đồng Hới	8.06	7.36		0.70

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
6	Khu nhà ở thương mại Phú Xá, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	6.45	5.80		0.65
7	Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi, thành phố Đồng Hới (thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng chính phủ)	Đức Ninh Đông, Nam Lý	Đồng Hới	30.44	19.94		10.50
8	Khu nhà ở thương mại tại thôn Lộc Thượng, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy	An Thủy	Lệ Thủy	4.30	2.00		2.30
9	Dự án Khu nhà ở xã hội tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới	Lộc Ninh	Đồng Hới	11.35	9.27		2.08
10	Khu nhà ở thương mại Võ Ninh 4, huyện Quảng Ninh	Võ Ninh	Quảng Ninh	9.80	7.61		2.19
11	Khu đô thị Hải Ninh 2	Hải Ninh	Quảng Ninh	20.00			20.00
12	Dự án Khu nhà ở thương mại phía sau chợ Đức Ninh	Đức Ninh	Đồng Hới	10.44	8.11		2.33
II	Bổ sung 138 dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 77 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)			469.82	109.92	0.90	359.00

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Quảng Thọ	Ba Đồn	7.49	5.96		1.53
2	Trung tâm thể dục thể thao tỉnh Quảng Bình (thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của Thủ tướng Chính phủ)	Lộc Ninh	Đồng Hới	14.29	12.00		2.29
3	Nhà văn hóa Tổ dân phố 6 Nam Lý	Nam Lý	Đồng Hới	0.21	0.17		0.04
4	Trụ sở Công an phường Đồng Phú	Đồng Phú	Đồng Hới	0.23	0.23		
5	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Lệ Thủy	Xuân Thủy	Lệ Thủy	0.50	0.50		
6	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Bố Trạch	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.50			0.50
7	Tuyến đường Phú Hải - Lương Ninh	Phú Hải, Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	12.28	9.75		2.53
8	Phát triển quỹ đất xen kẽ khu dân cư	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0.43	0.41		0.02
9	Dự án đầu tư xây dựng các trục đường giao thông Khu Công nghiệp Tây Bắc Quán Hàu (mở rộng giai đoạn 3)	Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Quán Hàu	Huyện Quảng Ninh	4.13	0.12		4.01
10	Nâng cấp tuyến đường Nguyễn Văn Cừ	Nam Lý, Đức Ninh Đông	Đồng Hới	0.50			0.50

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
11	Đường nối từ đường Bà Tró đến đường Long Đại	Hải Thành	Đồng Hới	0.70		0.55	0.15
12	Đường xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	Bắc Lý	Đồng Hới	0.08			0.08
13	Đường phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế Tây Nam xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	3.00			3.00
14	Nâng cấp đường Cao Thắng	Lộc Ninh	Đồng Hới	1.50	0.95		0.55
15	Nâng cấp đường nối từ đường Hữu Nghị với đường Nguyễn Văn Linh và đường khu dân cư phía Nam thư viện tỉnh	Nam Lý	Đồng Hới	0.22			0.22
16	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp ra biển	Bảo Ninh	Đồng Hới	0.67			0.67
17	Đường đi vào dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ	Phú Hải	Đồng Hới	0.35	0.17		0.18
18	Quy hoạch chi tiết xây dựng Trường mầm non, Nhà văn hóa thôn Tân Phú, Trụ sở Quân sự xã Quang Phú (Hạng mục Trường mầm non)	Quang Phú	Đồng Hới	0.60			0.60
19	Xây dựng hạ tầng để bố trí tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi công trình xây dựng Đường từ Lộc Ninh đi Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới và kết hợp phát triển khu dân cư	Lộc Ninh	Đồng Hới	2.00	1.80		0.20

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
20	Đất ở nông thôn khu đất chợ Thuận Đức cũ (thôn Thuận Vinh)	Thuận Đức	Đồng Hới	0.38			0.38
21	Khu đất ở Tổ dân phố 7	Hải Thành	Đồng Hới	0.65			0.65
22	Nhà thi đấu đa năng huyện Lệ Thủy	TT Kiến Giang	Lệ Thủy	3.80	2.70		1.10
23	Đất ở tại nông thôn xã Hồng Thủy (Khu vực 1, thôn An Định)	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0.30			0.30
24	Đất ở tại nông thôn xã Hồng Thủy (Khu vực 2, thôn Thạch Thượng 2)	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0.40			0.40
25	Đất ở tại nông thôn xã Hồng Thủy (Giai đoạn 1, 2, 3)	Hồng Thủy	Lệ Thủy	1.30			1.30
26	Đất ở nông thôn xã Mai Thủy	Mai Thủy	Lệ Thủy	0.40	0.35		0.05
27	Đất ở nông thôn xã An Thủy (khu vực 1, thôn Lộc Thượng)	An Thủy	Lệ Thủy	0.35	0.30		0.05
28	Đất ở nông thôn xã An Thủy (khu vực 2, thôn Lộc Hạ)	An Thủy	Lệ Thủy	0.30	0.25		0.05
29	Đất ở nông thôn xã Lộc Thủy	Lộc Thủy	Lệ Thủy	0.29	0.24		0.05
30	Đất ở nông thôn xã Cam Thủy	Cam Thủy	Lệ Thủy	0.39	0.34		0.05
31	Đất ở nông thôn xã Phong Thủy	Phong Thủy	Lệ Thủy	0.35	0.32		0.03
32	Đất ở nông thôn xã Thanh Thủy	Thanh Thủy	Lệ Thủy	0.50			0.50

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
33	Sửa chữa nâng cấp các hồ, đập xung yếu tỉnh Quảng Bình: Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn đập Khe Dổi, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Trung Hóa	Minh Hóa	53.20	0.02		53.18
34	Cải tạo đường sắt khu vực Đèo Khe Nét, tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh	Hương Hóa, Kim Hóa	Tuyên Hóa	54.98			54.98
35	Đường phục vụ du lịch Hà Môn	Cự Nẫm	Bố Trạch	3.17	0.39		2.78
36	Nâng cấp, mở rộng đường từ UBND xã Sơn Lộc đi tỉnh lộ 561	Vạn Trạch, Sơn Lộc	Bố Trạch	1.03	0.95		0.08
37	Tạo quỹ đất khu Nam Nẫm xã Cự Nẫm	Cự Nẫm	Bố Trạch	3.05	2.50		0.55
38	Tạo quỹ đất ở tại ngã ba Hưng Trạch, xã Hưng Trạch	Hưng Trạch	Bố Trạch	3.23			3.23
39	Sửa chữa, khắc phục sạt lở đường liên xã từ thị trấn Phong Nha đến xã Liên Trạch (đoạn ven sông Son và xã Liên Trạch)	Liên Trạch	Bố Trạch	0.24			0.24
40	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Đồng Bún	Lý Trạch	Bố Trạch	5.10	0.61		4.49
41	Đường giao thông nông thôn khu vực thôn 7, thôn 8 Lý Trạch	Lý Trạch	Bố Trạch	0.15			0.15
42	Nhà Chức năng trường mầm non Mỹ Trạch	Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.50			0.50
43	Đầu tư khai thác phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Động Cát	Đại Trạch	Bố Trạch	2.90	0.70		2.20

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
44	Tạo quỹ đất thôn 1, xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch	Bắc Trạch	Bố Trạch	2.27	1.55		0.72
45	Nâng cấp các tuyến đường giao thông nội thị Hoàn Lão	Hoàn Lão	Bố Trạch	1.37	0.70		0.67
46	Bồi thường bằng đất khi thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Trãi (đoạn từ cầu Phường Bún đi Nhà văn hóa tiểu khu 4)	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.05			0.05
47	Đường liên xã Hạ Trạch - Mỹ Trạch (đoạn giữa đồng)	Hạ Trạch, Mỹ Trạch	Bố Trạch	0.42	0.21		0.21
48	Đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Tây bến xe Hoàn Lão, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Hoàn Lão	Bố Trạch	2.78	1.60		1.18
49	Đường từ Km 56, đường tỉnh 562 vào đến bản Nồông cũ và bản Nồông mới, xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Thượng Trạch	Bố Trạch	3.77	0.38	0.35	3.04
50	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngư Thủy và đến UBND xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy	Hưng Thủy, Ngư Thủy	Lệ Thủy	12.07			12.07
51	Nhà ở phục vụ cán bộ, công nhân tại Khu kinh tế Hòn La của Công ty Cổ phần Wood Hồng Phúc	Quảng Đông	Quảng Trạch	2.04	1.86		0.18
52	Khu Nhà ở phục vụ cán bộ công nhân Hòn La Suites & Residence của Công ty Cổ phần đầu tư Quốc tế Hòn La	Quảng Đông	Quảng Trạch	1.95	0.27		1.68

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
53	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 1)	Phú Thủy	Lệ Thủy	4.30			4.30
54	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 2)	Phú Thủy	Lệ Thủy	2.12	2.07		0.05
55	Khu tái định cư tại xã Phú Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 3)	Phú Thủy	Lệ Thủy	8.63	7.53		1.10
56	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 1)	TT NT Lệ Ninh	Lệ Thủy	1.38			1.38
57	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 2)	TT NT Lệ Ninh	Lệ Thủy	1.00	0.97		0.03
58	Khu tái định cư tại TT NT Lệ Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025) (Khu vực 3)	TT NT Lệ Ninh	Lệ Thủy	0.70			0.70
59	Khu tái định cư tại xã Sơn Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Sơn Thủy	Lệ Thủy	0.52	0.50		0.02

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
60	Khu tái định cư tại xã Kim Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Kim Thủy	Lệ Thủy	3.00			3.00
61	Khu tái định cư tại xã Trường Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Trường Thủy	Lệ Thủy	4.74			4.74
62	Đất nghĩa trang, nghĩa địa tại xã Sơn Thủy (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Sơn Thủy	Lệ Thủy	5.00			5.00
63	Đất nghĩa trang, nghĩa địa tại xã Phú Thủy (vị trí 1) (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Phú Thủy	Lệ Thủy	1.00			1.00
64	Đất nghĩa trang, nghĩa địa tại xã Phú Thủy (vị trí 2) (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Phú Thủy	Lệ Thủy	0.50			0.50
65	Khu tái định cư phân tán cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng Dự án Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (giai đoạn 2)	Lộc Thủy	Lệ Thủy	0.13	0.10		0.03
66	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	4.00			4.00
67	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Ngư Thủy	Lệ Thủy	15.00			15.00

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
68	Khu tái định cư cho 05 hộ gia đình, cá nhân phải di dời (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.49	0.42		0.07
69	Khu tái định cư cho 23 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lộc	Ba Đồn	1.71	1.00		0.71
70	Trường mầm non xã Quảng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	1.18	1.16		0.02
71	Sân vận động xã Quảng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0.79	0.79		
72	Điểm tập kết vật liệu thừa - khu vực 1 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	4.00			4.00
73	Điểm tập kết vật liệu thừa - khu vực 2 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	12.00			12.00
74	Điểm tập kết vật liệu thừa khu vực đồng Am (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	2.96	0.18		2.78

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
75	Điểm tập kết vật liệu thừa khu vực Rào Nan (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	5.00			5.00
76	Điểm tập kết bãi thải khu vực đồng Cát (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Minh	Ba Đồn	2.00			2.00
77	Điểm tập kết bãi thải khu vực Cao Cự 1, thôn Cao Cự (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hòa	Ba Đồn	1.10	1.00		0.10
78	Điểm tập kết bãi thải khu vực Cao Cự 2, thôn Cao Cự (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hòa	Ba Đồn	1.20	0.35		0.85
79	Điểm tập kết bãi thải khu vực thôn Vĩnh Phú (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hòa	Ba Đồn	1.00	0.27		0.73
80	Trụ sở UBND xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.60	0.60		
81	Trạm Y tế xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.12			0.12

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
82	Trường mầm non xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.30	0.30		
83	Trường TH-THCS tại xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.27	0.27		
84	Sân thể thao xã Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.58	0.58		
85	Chợ Quảng Hải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hải	Ba Đồn	0.36			0.36
86	Điểm tập kết bãi thải (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lộc	Ba Đồn	1.00	1.00		
87	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Thuận	Ba Đồn	4.80			4.80
88	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Phúc	Ba Đồn	10.10	8.22		1.88
89	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hợp	Quảng Trạch	1.00	0.90		0.10

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
90	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Tô Xá (di dời mồ mả phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	7.90			7.90
91	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	2.60	2.20		0.40
92	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thạch	Quảng Trạch	1.70	1.70		
93	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (di dời mồ mả phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thạch	Quảng Trạch	1.15			1.15
94	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Tam Đa (di dời mồ mả phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	10.00			10.00
95	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Vân Tiên (di dời mồ mả phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	14.00			14.00
96	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Phù Lưu (di dời mồ mả phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	12.00			12.00

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
97	Khu tái định cư tại Đồng Cây Lội thôn Vân Tiền (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1.18	0.91		0.27
98	Khu tái định cư tại đồng Chợ thôn Tam Đa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1.65	1.65		
99	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thanh	Quảng Trạch	1.65	1.60		0.05
100	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thanh	Quảng Trạch	2.80	2.49		0.31
101	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hướng Phương - Khu vực 1 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	7.10			7.10
102	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hướng Phương - Khu vực 2 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Phương	Quảng Trạch	10.30			10.30
103	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lưu	Quảng Trạch	2.13	2.13		

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
104	Khu tái định cư và khu dân cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Tùng	Quảng Trạch	5.51	5.02		0.49
105	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh) - Khu vực 1	Cảnh Hóa	Quảng Trạch	0.47	0.10		0.37
106	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL12 A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh) - Khu vực 2	Cảnh Hóa	Quảng Trạch	2.13	2.13		
107	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật tái định cư và khu dân cư thôn Tân Định - Hiền Trung	Hải Ninh	Quảng Ninh	3.30			3.30
108	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư thôn Lệ Kỳ, xã Vĩnh Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	4.79	1.00		3.79
109	Khu tái định cư và khu dân cư thôn Chợ Gộ, xã Vĩnh Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	2.00			2.00
110	Khu tái định cư và khu dân cư thôn Long Đại xã Hiền Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hiền Ninh	Quảng Ninh	4.60	2.00		2.60

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
111	Khu tái định cư và khu dân cư xã Xuân Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Xuân Ninh	Quảng Ninh	1.70			1.70
112	Khu tái định cư và khu dân cư thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	4.43			4.43
113	Khu tái định cư khu vực đường Hồ Chí Minh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nẫm	Bố Trạch	3.12	0.93		2.19
114	Khu tái định cư khu vực thôn Hà Môn, xã Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nẫm	Bố Trạch	0.76	0.27		0.49
115	Khu tái định cư khu vực thôn Hòa Sơn, xã Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nẫm	Bố Trạch	0.49	0.47		0.02
116	Khu tái định cư khu vực thôn Tây Nẫm, xã Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nẫm	Bố Trạch	0.40	0.40		
117	Khu tái định cư khu vực đồng Cải tạo, xã Phú Định (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Phú Định	Bố Trạch	4.35			4.35

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
118	Khu tái định cư khu vực thôn Mít, xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Tây Trạch	Bố Trạch	0.96	0.86		0.10
119	Khu tái định cư khu vực thôn Rẫy, xã Tây Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Tây Trạch	Bố Trạch	1.09	0.67		0.42
120	Khu tái định cư khu vực thôn Cà (T92), xã Hòa Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hòa Trạch	Bố Trạch	5.39			5.39
121	Khu tái định cư khu vực thôn Cà (đất lẻ), xã Hòa Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hòa Trạch	Bố Trạch	0.26			0.26
122	Khu tái định cư khu vực Hữu Nghị - Dũng Cảm, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	13.50	1.41		12.09
123	Khu tái định cư khu vực Hữu Nghị, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	1.84			1.84
•124	Khu tái định cư khu vực Quyết Tiến, thị trấn NT Việt Trung (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	2.51			2.51

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
125	Khu tái định cư khu vực thôn Tân Hội, xã Liên Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Liên Trạch	Bố Trạch	1.01	1.01		
126	Khu tái định cư khu vực thôn Phú Hữu, xã Liên Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Liên Trạch	Bố Trạch	1.51	1.51		
127	Trường mầm non Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nẫm	Bố Trạch	0.39	0.37		0.02
128	Trường tiểu học số 3 Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nẫm	Bố Trạch	0.61			0.61
129	Trường tiểu học cơ sở Bắc Dinh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	NT Việt Trung	Bố Trạch	0.70			0.70
130	Nhà văn hóa thôn Hà Môn, xã Cự Nẫm (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Cự Nẫm	Bố Trạch	0.40			0.40
131	Khu tái định cư khu vực trụ sở UBND xã cũ (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.12			0.12

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
132	Khu tái định cư khu vực đối diện cây xăng Đồng Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.15	0.12		0.03
133	Khu tái định cư khu vực phía Tây đường ven biển nối từ đường ven biển đi đường Hồ Chí Minh (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đồng Trạch	Bố Trạch	2.17	2.00		0.17
134	Khu tái định cư khu vực phía Bắc trường THCS Đồng Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đồng Trạch	Bố Trạch	0.58	0.46		0.12
135	Khu tái định cư khu vực phía Nam chợ Đức Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	0.16			0.16
136	Khu tái định cư khu vực giáp đường ven biển (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	0.53			0.53
137	Khu tái định cư khu vực phía Bắc đồn Biên phòng Lý Hòa (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	1.79			1.79
138	Khu tái định cư khu vực phía Nam đồn Biên phòng Lý Hòa (phục vụ giải phóng mặt bằng Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Đức Trạch	Bố Trạch	2.00			2.00

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
III	Bổ sung 03 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai				3.21	2.44		0.77
1	Trường mầm non Koharu		Lộc Ninh	Đồng Hới	0.49	0.49		
2	Trung tâm cung ứng giống cây trồng và sơ chế nguyên liệu gỗ rừng trồng		Hồng Hóa	Minh Hóa	2.09	1.33		0.76
3	Cửa hàng xăng dầu Thành Công 2		Sen Thủy	Lệ Thủy	0.63	0.62		0.01
IV	Điều chỉnh 19 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 13 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)				353.39	39.91	14.76	298.72
1	Cầu Nhật Lệ 3 (Cầu Nhật Lệ 3 và tuyến đường nối từ Cầu Nhật Lệ 3 đến đường Võ Nguyên Giáp)	Đã phê duyệt	Bảo Ninh, Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	18.30	1.00		17.30
	Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu (dự án thành phần 2 thuộc dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình)	Nay điều chỉnh	Bảo Ninh, Lương Ninh	Đồng Hới, Quảng Ninh	17.51			17.51

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
2	Dự án Khu nhà ở thương mại tại Trung tâm hành chính huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	16.50			16.50
		Nay điều chỉnh	Quảng Phương, Quảng Hưng	Quảng Trạch	16.50			16.50
3	Xây dựng trụ sở và khu dịch vụ thương mại của Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Phú Lâm	Đã phê duyệt	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.54	0.49		0.05
		Nay điều chỉnh	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.56	0.51		0.05
4	Trạm Kiểm lâm Thượng Hóa	Đã phê duyệt	Thượng Hóa	Minh Hóa	0.10			0.10
		Nay điều chỉnh	Thượng Hóa	Minh Hóa	0.10		0.10	
5	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Mai Thủy	Lệ Thủy	2.50	2.20		0.30
		Nay điều chỉnh	Mai Thủy	Lệ Thủy	2.94	2.83		0.11
6	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ở lô (XII-OM-5, XII-OM-6) xã Ngư Thủy Bắc	Đã phê duyệt	Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	20.00			20.00
		Nay điều chỉnh	Ngư Thủy Bắc	Lệ Thủy	20.06			20.06

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
7	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu mở rộng khuôn viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình	Đã phê duyệt	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	1.80			1.80
		Nay điều chỉnh	phường Nam Lý	TP. Đồng Hới	1.80	0.22		1.58
8	Tuyến đường ven biển (thuộc dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình)	Đã phê duyệt	Các xã, phường	Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, thị xã Ba Đồn và TP Đồng Hới	189.47	6.71	8.33	174.43
		Nay điều chỉnh	Các xã, phường	Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, thị xã Ba Đồn và TP Đồng Hới	199.33	6.22	14.66	178.45

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
9	Tuyến đường chính khu đô thị Dinh Mười và vùng phụ cận huyện Quảng Ninh	Đã phê duyệt	Võ Ninh	Quảng Ninh	13.72	1.97		11.75
		Nay điều chỉnh	Gia Ninh, Võ Ninh	Quảng Ninh	20.50	1.00		19.50
10	Dự án HTKT dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, xã Quảng Hòa	Đã phê duyệt	Xã Quảng Hòa	Thị xã Ba Đồn	9.90	6.61		3.29
		Nay điều chỉnh	Xã Quảng Hòa	Thị xã Ba Đồn	10.43	8.99		1.44
11	Đất ở tại nông thôn xã Hưng Thủy	Đã phê duyệt	Hưng Thủy	Lệ Thủy	0.38	0.37		0.01
		Nay điều chỉnh	Hưng Thủy	Lệ Thủy	0.38			0.38
12	Khu nhà ở thương mại Đá Lả	Đã phê duyệt	TT Quán Hàu	Quảng Ninh	6.52			6.52
		Nay điều chỉnh	TT Quán Hàu	Quảng Ninh	6.52	0.18		6.34
13	Khu đô thị Bảo Ninh 1 (Đợt 2)	Đã phê duyệt	Bảo Ninh	Đồng Hới	5.74			5.74
		Nay điều chỉnh	Bảo Ninh	Đồng Hới	6.24			6.24
14	Dự án Tạo quỹ đất Khu dân cư phía Tây Bắc đường Phan Bá Vành, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới	Đã phê duyệt	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	4.40	1.20		3.20
		Nay điều chỉnh	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	4.40	1.50		2.90

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Các loại đất khác
15	Cầu Lộc Thủy - An Thủy và Đường hai đầu cầu	Đã phê duyệt	An Thủy, Lộc Thủy	Lệ Thủy	5.05	3.50		1.55
		Nay điều chỉnh	An Thủy, Lộc Thủy	Lệ Thủy	6.86	2.70		4.16
16	Đường từ tỉnh lộ 561 đi cầu Sông Trước, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch (Giai đoạn 1)	Đã phê duyệt	Hoàn Lão, Tây Trạch	Bố Trạch	8.50	3.63		4.87
		Nay điều chỉnh	Hoàn Lão, Tây Trạch	Bố Trạch	10.91	6.16		4.75
17	Đường giao thông tuyến Trầm Mé đi thôn Na, TT Phong Nha	Đã phê duyệt	Phong Nha	Bố Trạch	3.76	0.02		3.74
		Nay điều chỉnh	Phong Nha	Bố Trạch	6.04	0.04		6.00
18	Dự án phát triển quỹ đất tại thôn Tam Đa, xã Tiến Hóa (Đợt 1)	Đã phê duyệt	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	4.39	3.63		0.76
		Nay điều chỉnh	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	4.51	3.65		0.86
19	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc đường 12A thôn Tây Trúc	Đã phê duyệt	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	16.09	4.82		11.27
		Nay điều chỉnh	Tiến Hóa	Tuyên Hóa	17.80	5.91		11.89
B	Điều chỉnh giảm 01 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 (Điểm 54, Mục I, Phần A Phụ lục I)				10.00	7.67		2.33
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh		Đức Ninh	Đồng Hới	10.00	7.67		2.33

Ghi chú: 172 dự án không có diện tích đất rừng đặc dụng